TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02896



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Công nghệ hạt giống (204209) - Số Tín Chỉ: 1 **Ngày Thi :** 27/05/10 Giờ thi: 07g00 - 45 phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 08113001 | NGUYỄN QUỲNH NHƯ | ANH | DH08NH | 1 | | 8,0 | 8 | 0 |
| 2 | 08113002 | VÕ LÂM NGỌC | ẨN | DH08NH | | | | V | 0 |
| 3 | 08113003 | HUỲNH TẤN | BẢO | DH08NH | | | | V | 0 |
| 4 | 08113004 | BÙI VĂN | BẮC | DH08NH | 1 | | 7,0 | 7 | 0 |
| 5 | 08113006 | PHẠM PHƯỚC | CẢNG | DH08NH | 1 | | 6,8 | 6 | 8 |
| 6 | 08113011 | TRƯƠNG MỸ | CHÂU | DH08NH | 1 | | 8,5 | 8 | 5 |
| 7 | 08113012 | CHU QUANG | CHIẾN | DH08NH | 1 | | 6,0 | 6 | 0 |
| 8 | 08113019 | LÊ TẤT | DIỆN | DH08NH | 1 | | 7,0 | 7 | 0 |
| 9 | 08113020 | VŨ THỊ | DIỆU | DH08NH | 1 | | 9,2 | 9 | 2 |
| 10 | 08113030 | VÕ QUỐC | DŨNG | DH08NH | | | | V | 0 |
| 11 | 08113026 | NGUYỄN THÀNH | DUY | DH08NH | 1 | | 7,0 | 7 | 0 |
| 12 | 08113027 | NGUYỄN TRƯỜNG | DUY | DH08NH | 1 | | 8,3 | 8 | 3 |
| 13 | 08113033 | NGUYỄN TRẦN HOÀ TR | DƯƠNG | DH08NH | 1 | | 7,3 | 7 | 3 |
| 14 | 08113035 | MAI NGỌC | ĐIỀM | DH08NH | 1 | | 7,3 | 7 | 3 |
| 15 | 08113038 | CAO LÊ CẨM | GIANG | DH08NH | 1 | | 8,3 | 8 | 3 |
| 16 | 08113039 | NGUYỄN THỊ ÁI | HÀ | DH08NH | 1 | | 9,3 | 9 | 3 |
| 17 | 08113040 | NGUYỄN THỊ NGỌC | HÀ | DH08NH | 1 | | 8,0 | 8 | 0 |
| 18 | 08113041 | NGUYỄN HOÀNG | HẢI | DH08NH | 1 | | 6,8 | 6 | 8 |

Tổng số bài : 16
Tổng số tờ : 16

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

P. T. Kiều

Cán bộ chấm thi 1&2

P. T. Kiều

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02896



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Công nghệ hạt giống (204209) - Số Tín Chỉ: 1 Ngày Thi : 27/05/10 Giờ thi: 07g00 - 45 phút Phòng thi PV225 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 08113042 | VY THỊ THANH | HẢI | DH08NH | 1 | | 7,3 | 7 | 3 |
| 20 | 08113044 | PHAN THỊ MỸ | HẠNH | DH08NH | 1 | | 9,3 | 9 | 3 |
| 21 | 08113046 | NGUYỄN THỊ LỆ | HẰNG | DH08NH | 1 | | 8,3 | 8 | 3 |
| 22 | 08113048 | NGUYỄN HÒA | HẬN | DH08NH | 1 | | 8,8 | 8 | 8 |
| 23 | 08113049 | MAI PHÚC | HẬU | DH08NH | 1 | | 8,3 | 8 | 3 |
| 24 | 08113054 | HOÀNG THỊ | HOA | DH08NH | 1 | | 7,8 | 7 | 8 |
| 25 | 08113059 | ĐỖ KHẮC | HUY | DH08NH | 1 | | 7,3 | 7 | 3 |
| 26 | 08113061 | NGUYỄN THỊ KIM | HUYỀN | DH08NH | 1 | | 8,8 | 8 | 8 |
| 27 | 08113067 | HOÀNG THỊ | HƯỜNG | DH08NH | 1 | | 7,8 | 7 | 8 |
| 28 | 08113070 | TRẦN ĐĂNG | KHOA | DH08NH | 1 | | 7,8 | 7 | 8 |
| 29 | 08113071 | TRẦN NGỌC ĐĂNG | KHOA | DH08NH | 1 | | 7,3 | 7 | 3 |
| 30 | 08113072 | LƯƠNG THỊ | LÀNH | DH08NH | 1 | | 7,3 | 7 | 3 |
| 31 | 07113082 | NGUYỄN THỊ MỸ | LỆ | DH08NH | 1 | | 6,8 | 6 | 8 |
| 32 | 08113076 | PHÙNG THỊ | LIÊN | DH08NH | 1 | | 7,3 | 7 | 3 |
| 33 | 08113080 | HỒ THỊ | LOAN | DH08NH | 1 | | 7,3 | 7 | 3 |
| 34 | 08113081 | HOÀNG THĂNG | LONG | DH08NH | 1 | | 7,8 | 7 | 8 |
| 35 | 08113086 | BÙI NGUYÊN | LỘC | DH08NH | 1 | | 6,8 | 6 | 8 |
| 36 | 07113108 | ĐẶNG THÀNH | LUÂN | DH08NH | 1 | | 5,5 | 5 | 5 |

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02896



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Công nghệ hạt giống (204209) - Số Tín Chỉ: 1 **Ngày Thi :** 27/05/10 Giờ thi: 07g00 45 phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 37 | 08113091 | NGUYỄN NGỌC MAI | LY | DH08NH | 1 | | 7,6 | 7 | 6 |
| 38 | 08113092 | PHẠM THỊ TUYẾT | MAI | DH08NH | 1 | | 6,8 | 6 | 8 |
| 39 | 08113093 | TRẦN VĂN | MẠNH | DH08NH | 1 | | 6,5 | 6 | 5 |
| 40 | 08113095 | MAI XUÂN | MINH | DH08NH | 1 | | 5,5 | 5 | 5 |
| 41 | 08113099 | LÊ | NĂM | DH08NH | 1 | | 6,0 | 6 | 0 |
| 42 | 08113101 | PHẠM CÔNG | NGHIỆP | DH08NH | 1 | | 7,5 | 7 | 5 |
| 43 | 08113106 | TRƯƠNG MINH | NHA | DH08NH | 1 | | 7,5 | 7 | 5 |
| 44 | 08113107 | CAO HOÀNG | NHÂN | DH08NH | 1 | | 5,8 | 5 | 8 |
| 45 | 08113110 | NGUYỄN VĂN DUY | NHẤT | DH08NH | 1 | | 6,5 | 6 | 5 |
| 46 | 08113111 | LÊ ĐỨC NGỌC | NHI | DH08NH | 1 | | 6,5 | 6 | 5 |
| 47 | 07113191 | HÀ KIM | THANH | DH08NH | 1 | | 7,3 | 7 | 3 |
| 48 | 07113197 | LÊ THỊ | THẢO | DH08NH | 1 | | 6,0 | 6 | 0 |
| 49 | 07113198 | PHAN DOÃN | THẮNG | DH08NH | 1 | | 8,8 | 8 | 8 |

Cán bộ coi thi 1&2 — Nguyễn Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Phan Thanh Kiều

Cán bộ chấm thi 1&2 — P. T. Kiều

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02897



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Công nghệ hạt giống (204209) - Số Tín Chỉ: 1 Ngày Thi : 27/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 08113112 | NGUYỄN THỊ PHỤNG | NHI | DH08NH | | | 8,3 | 8 | 3 |
| 2 | 08113113 | NGUYỄN MINH | NHUẬN | DH08NH | | | 6,8 | 6 | 8 |
| 3 | 08113114 | TRẦN THỊ PHƯƠNG | NHUNG | DH08NH | | | 7,0 | 7 | 0 |
| 4 | 08113116 | HỒ VĂN | NHỰT | DH08NH | | | 6,3 | 6 | 3 |
| 5 | 08113120 | LÊ MINH | NHỰT | DH08NH | | | 7,8 | 7 | 8 |
| 6 | 08113123 | LƯU THỊ KIỀU | OANH | DH08NH | | | 7,5 | 7 | 5 |
| 7 | 08113128 | TRẦN ĐÌNH | PHƯỚC | DH08NH | | | 5,5 | 5 | 5 |
| 8 | 08113129 | PHAN THANH | QUANG | DH08NH | | | 6,3 | 6 | 3 |
| 9 | 08113135 | NGUYỄN HOÀNG NGỌC | TÂM | DH08NH | | | 7,0 | 7 | 0 |
| 10 | 08113137 | TRẦN DUY | TÂN | DH08NH | | | 6,8 | 6 | 8 |
| 11 | 08113140 | LÊ MINH | THÀNH | DH08NH | | | 6,5 | 6 | 5 |
| 12 | 08113139 | NGUYỄN THỊ | THẢO | DH08NH | | | 8,3 | 8 | 3 |
| 13 | 08113142 | ĐẶNG THỊ PHƯƠNG | THẢO | DH08NH | | | 6,3 | 6 | 3 |
| 14 | 08113150 | LÊ THỊ | THIỀM | DH08NH | | | 7,3 | 7 | 3 |
| 15 | 08113153 | NGUYỄN THỊ KIM | THOA | DH08NH | | | 8,3 | 8 | 3 |
| 16 | 08113156 | NGUYỄN THỊ MINH | THÚY | DH08NH | | | 7,8 | 7 | 8 |
| 17 | 08113159 | TÔN THỊ | THỦY | DH08NH | | | 9,0 | 9 | 0 |
| 18 | 08113161 | NGUYỄN THỊ TRÚC | THƯƠNG | DH08NH | | | 7,8 | 7 | 8 |

Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02897



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Công nghệ hạt giống (204209) - Số Tín Chỉ: 1 Ngày Thi : 27/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 08113163 | VŨ THỊ HOÀI | THƯƠNG | DH08NH | | | 7,8 | 7 | 8 |
| 20 | 08113164 | PHẠM VĂN | TIẾN | DH08NH | | | 8,3 | 8 | 3 |
| 21 | 08113169 | TÔ THỊ THỦY | TRINH | DH08NH | | | 7,5 | 7 | 5 |
| 22 | 08113170 | TRẦN THỊ TUYẾT | TRINH | DH08NH | | | 8,8 | 8 | 8 |
| 23 | 08113175 | PHAN THỊ | TRÚC | DH08NH | | | 8,5 | 8 | 5 |
| 24 | 08113173 | HỨA MINH | TRUNG | DH08NH | | | 7,0 | 7 | 0 |
| 25 | 08113176 | HÀ QUỐC | TRƯỜNG | DH08NH | | | 9,3 | 9 | 3 |
| 26 | 08113178 | NGUYỄN VĂN | TRƯỜNG | DH08NH | | | 6,5 | 6 | 5 |
| 27 | 08113180 | HỒ THỊ MINH | TUYẾT | DH08NH | | | 7,0 | 7 | 0 |
| 28 | 08113186 | NGUYỄN TUYẾT NHUNG | TƯỜNG | DH08NH | | | 8,3 | 8 | 3 |
| 29 | 08113189 | PHAN HẢI | VĂN | DH08NH | | | 7,5 | 7 | 5 |
| 30 | 08113190 | PHAN THỊ ÁI | VÂN | DH08NH | | | 9,8 | 9 | 8 |
| 31 | 08113194 | PHẠM PHÚ | VŨ | DH08NH | | | 6,5 | 6 | 5 |
| 32 | 08113195 | PHẠM VĂN | VŨ | DH08NH | | | 7,8 | 7 | 8 |
| 33 | 08113196 | TRƯƠNG THÀNH | VŨ | DH08NH | | | 5,0 | 5 | 0 |
| 34 | 08113193 | TRỊNH MINH | VUI | DH08NH | | | 8,0 | 8 | 0 |
| 35 | 08113198 | NGUYỄN DUY NHẤT | VƯƠNG | DH08NH | | | 7,0 | 7 | 0 |

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2